

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH ĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 9 - 2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH ĐT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Bà Võ Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh ĐT.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh ĐT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 419/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Thị T, sinh năm 1963.

Bị đơn: Huỳnh Thanh H, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp MHH, xã MX, huyện CL, tỉnh ĐT.

(Bà T và ông H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông H sống chung từ năm 1988, đến nay không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn do ông H, thường xuyên uống rượu và đánh đập bà T. Nhiều lần bà T cho ông H cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Do đó, nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung tên Huỳnh Thị Bé Em, sinh năm 1990, Huỳnh Thị Mỹ Nga, sinh năm 1992, Huỳnh Thanh Tùng, sinh năm 1993 và Huỳnh Mỹ Thúy, sinh năm 1994. Nay các con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa Tận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là ông Huỳnh Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông H thừa nhận lời trình bày của bà T về thời gian chung sống cũng như việc ông và bà T không đăng ký kết hôn là đúng. Nay giữa ông bà đã xảy ra mâu Tẫn, không thể chung sống được nữa nên ông H đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung tên Huỳnh Thị Bé Em, sinh năm 1990, Huỳnh Thị Mỹ Nga, sinh năm 1992, Huỳnh Thanh Tùng, sinh năm 1993 và Huỳnh Mỹ Thúy, sinh năm 1994. Nay các con chung đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa Tận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Bà Võ Thị T có đơn yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Thanh H. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn*”.

- Ông Huỳnh Thanh H là người bị kiện có địa chỉ tại ấp MHH, xã MX, huyện CL, tỉnh ĐT. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết Tộc Tòa án nhân dân huyện CL.

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà T và ông H thống nhất trình bày sống chung với nhau vào năm 1988 và thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu Tẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Mặc dù, việc sống chung của bà T và ông H đều được hai bên thừa nhận là tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy

định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Do đó, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Vì vậy, không công nhận bà Võ Thị T và ông Huỳnh Thanh H là vợ chồng.

- Về nuôi con: Các con chung Huỳnh Thị Bé Em, sinh năm 1990, Huỳnh Thị Mỹ Nga, sinh năm 1992, Huỳnh Thanh Tùng, sinh năm 1993 và Huỳnh Mỹ Thúy, sinh năm 1994 đã trưởng thành. Bà T và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Bà T và ông H đề nghị được tự thỏa Tận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà T và ông H trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị T và ông Huỳnh Thanh H là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Các con chung Huỳnh Thị Bé Em, sinh năm 1990, Huỳnh Thị Mỹ Nga, sinh năm 1992, Huỳnh Thanh Tùng, sinh năm 1993 và Huỳnh Mỹ Thúy, sinh năm 1994 đã trưởng thành. Bà T và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Bà T và ông H đề nghị được tự thỏa Tận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T và ông H trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003986, ngày 05/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh ĐT.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. CL;
- CC THADS H. CL;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã MX;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Võ Thị Ngọc Minh